

Ngày soạn: 25/09/2023

**TIẾT 5, BÀI 13. THỰC HÀNH:
ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH, ĐIỀN VÀO LƯỢC ĐỒ TRỒNG MỘT SỐ DÂY NÚI
VÀ ĐỈNH NÚI**

* Kiểm tra bài cũ: So sánh đặc điểm của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

A. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động 1: Tình huống xuất phát

- Mục tiêu:** Biết một số địa danh của Việt Nam.
- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học:** Đàm thoại vấn đáp, gợi mở, sử dụng bản đồ.
- Hình thức:** Cá nhân/ cả lớp.
- Phương tiện:** Bản đồ tự nhiên Việt Nam, hai câu thơ trong bài thơ “Qua đèo ngang”.
- Sản phẩm:** HS kể tên được dãy núi Hoàng Sơn và xác định được vị trí của nó trên bản đồ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">- Bước 1: GV đọc hai câu thơ trong bài thơ “Qua đèo ngang”, yêu cầu HS cho biết đèo ngang nằm ở dãy núi nào? Hãy xác định dãy núi đó trên bản đồ tự nhiên VN.- Bước 2: GV hướng dẫn, theo dõi thái độ làm việc của HS.- Bước 3: GV gọi đại diện HS trình bày, các HS khác bổ sung.- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. Sau đó GV sử dụng nội dung HS trả lời để tạo ra tình huống có vấn đề và dẫn dắt vào nội dung bài học.	<ul style="list-style-type: none">- HS nhận nhiệm vụ.- HS thực hiện và ghi ra giấy nháp, chuẩn bị để báo cáo trước lớp.- Đại diện 01 HS báo cáo, các HS khác lắng nghe, trao đổi và bổ sung thêm.- HS lắng nghe, ghi nhớ.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 8: Xác định vị trí của các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông trên bản đồ

- Mục tiêu:** Xác định được vị trí của các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông trên bản đồ.
- Phương pháp/ kĩ thuật dạy học:** Đàm thoại vấn đáp, gợi mở, sử dụng bản đồ.
- Hình thức:** Cá nhân/ cả lớp.
- Phương tiện:** Bản đồ tự nhiên Việt Nam.
- Sản phẩm:** HS xác định được vị trí của các dãy núi, đỉnh núi và dòng sông trên bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<ul style="list-style-type: none">- Bước 1: GV hướng dẫn HS quan sát bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam xác định vị trí các dãy núi, cao nguyên, các đỉnh núi, các dòng sông theo yêu cầu trong sgk.- Bước 2: GV hướng dẫn, theo dõi thái độ làm việc của HS.- Bước 3: GV gọi đại diện HS xác định trên bản đồ, trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung.	<ul style="list-style-type: none">- HS nhận nhiệm vụ.- HS quan sát bản đồ, chuẩn bị để trình bày trước lớp.

- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	- Đại diện các HS lần lượt báo cáo, các HS khác lắng nghe, trao đổi và bổ sung thêm. - HS lắng nghe, ghi chép.
--	---

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 10: Củng cố kiến thức

1. **Mục tiêu:** HS hiểu và trả lời các câu hỏi về đặc điểm chung địa hình và các khu vực địa hình nước ta, các thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và đồng bằng.

2. **Phương pháp:** Đàm thoại phát vấn, sử dụng bản đồ.

3. **Hình thức:** Cá nhân/Cả lớp

4. **Phương tiện:** Bản đồ tự nhiên VN, Atlas Địa lí VN, câu hỏi.

5. **Sản phẩm:** HS xác định được vị trí các dãy núi trên bản đồ, trả lời đúng một số câu hỏi trắc nghiệm.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
- Bước 1: GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: + Dựa vào bản đồ tự nhiên Việt Nam xác định các dãy núi lớn của vùng núi Tây Bắc. + So sánh địa hình ĐBSCL với ĐBSH. + Trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm. - Bước 2: GV hướng dẫn, theo dõi thái độ làm việc của HS. - Bước 3: GV gọi đại diện HS trả lời, các HS khác bổ sung. - Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	- HS nhận nhiệm vụ. - HS thực hiện nhiệm vụ. - Đại diện HS trả lời, các HS khác lắng nghe, trao đổi và bổ sung thêm. - HS lắng nghe, ghi chép.

D. VẬN DỤNG, TÌM TÒI, MỞ RỘNG

Hoạt động 11: Củng cố kiến thức

1. **Mục tiêu:** HS trả lời các câu hỏi về đặc điểm các khu vực địa hình nước ta.

2. **Phương pháp:** Đàm thoại phát vấn, khai thác bản đồ.

3. **Hình thức:** Cả lớp.

4. **Phương tiện:** Bản đồ tự nhiên VN, bản đồ nông nghiệp chung Việt Nam.

5. **Sản phẩm:** HS so sánh đặc điểm các khu vực địa hình, liên hệ thực tế địa hình tỉnh Gia Lai.

- Bước 1: GV hướng dẫn HS đọc tài liệu địa lí tỉnh Gia Lai, kết hợp Bản đồ tự nhiên VN, Atlas Địa lí VN trả lời câu hỏi: + Dựa vào hình 6, nhận xét về độ cao và hướng dãy núi giữa Bắc Trường Sơn và Nam Trường Sơn. + Kể tên các dạng địa hình ở tỉnh Gia Lai? Tỉnh Gia Lai đã và đang khai thác các yếu tố thuận lợi của địa hình để phát triển kinh tế như thế nào? - Bước 2: GV hướng dẫn, theo dõi thái độ làm việc của HS. - Bước 3: GV gọi đại diện HS trả lời, các HS khác bổ sung.	- HS nhận nhiệm vụ. - HS thực hiện nhiệm vụ. - Đại diện HS trả lời, các HS khác lắng nghe, trao đổi và bổ sung thêm. - HS lắng nghe, ghi chép.
--	---

<p>- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.</p>	
---	--

E. Hướng dẫn học ở nhà

1/ Làm câu hỏi, bài tập cuối bài.

2/ Học sinh chuẩn bị chuyên đề: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

Ngày soạn: 01/10/2023

TIẾT 6. BÀI 8. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Khái quát về biển Đông:
- + Là biển rộng lớn thứ 2 trong các biển của TBD
- + Là biển tương đối kín
- + Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- Ảnh hưởng của biển Đông tới thiên nhiên VN:
- + Khí hậu: nhờ biển Đông mà khí hậu nước ta mang đặc tính của khí hậu hải dương, điều hòa hơn
- + Địa hình và các hệ sinh thái vùng biển đa dạng
- + TNTN vùng biển đa dạng (tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; tích hợp môi trường)
- + Thiên tai: nhiều thiên tai (bão, sạt lở biển, cát bay, cát chảy)
- **Tích hợp môi trường**
- **Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Ôn định:

Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

3.2. Kiểm tra bài cũ:

* Câu hỏi: so sánh sự khác biệt về đặc điểm địa của miền núi Tây Bắc và Đông Bắc.

* Đáp án:

Các KV núi	Đông Bắc	Tây Bắc
Phạm vi	Nằm ở tả ngạn sông Hồng	Nằm giữa Sông Hồng và Sông Cả.
Đặc điểm	- Địa hình núi thấp chiếm phần lớn DT - Hướng núi: vòng cung.	- Có địa hình cao nhất nước ta. - Hướng núi: TB - ĐN với 3 dải địa hình rõ rệt.

3.3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục đích: HS gợi nhớ lại những kiến thức về Biển Đông đã học ở chương trình Địa lí THCS và bài Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh về tài nguyên biển đông và thiên tai biển (có thể sử dụng Atlat: trang 6 - 7, 8, 9). CMR Biển Đông nước ta có nhiều tài nguyên nhưng cũng có nhiều thiên tai.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát về biển Đông

a) Mục đích: HS biết được đặc điểm cơ bản của biển Đông.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

1. Khái quát về biển Đông

- Biển Đông là một biển rộng DT đứng thứ 2 trong các biển ở TBD (diện tích: 3,477 triệu km²)
- Là biển kín: Phía Đ, ĐN được bao bọc bởi các vòng cung đảo: quần đảo Philippin, Mã lai
- Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa (tính chất nhiệt đới ẩm GM và tính chất khép kín của BD được thể hiện qua các yếu tố hải văn (nhiệt độ, độ mặn, sóng, thủy triều, hải lưu và sinh vật biển).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu bản đồ tự nhiên Việt Nam. Yêu cầu HS hoạt động theo cặp, xác định vị trí, phạm vi của biển đông trên bản đồ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành yêu cầu trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về ảnh hưởng của biển Đông tới thiên nhiên Việt Nam

a) **Mục đích:** Phân tích được ảnh hưởng của biển Đông tới thiên nhiên nước ta. Liên hệ thực tế địa phương về ảnh hưởng của biển đối với khí hậu, địa hình ven biển, sinh vật...

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Ảnh hưởng của biển Đông tới tự nhiên nước ta

a. Khí hậu

- Biển Đông làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ (**làm cho KH Việt Nam mang nhiều đặc tính của KH hải dương nên điều hòa hơn**), làm giảm độ lục địa ở các vùng cực tây đất nước.

b. Địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển

- Các dạng ĐH ven biển rất đa dạng: các vịnh cửa sông, các vũng vịnh nước sâu, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu, các bãi cát phẳng, các cồn cát, đầm phá, các đảo ven bờ và các rạn san hô.

- Các HST ven biển đa dạng và giàu có: Rừng ngập mặn (**DT đứng thứ hai sau rừng ngập mặn Amdon ở Nam Mỹ; phân bố chủ yếu ở Nam Bộ; DT đã bị thu hẹp do chuyển đổi thành DT nuôi tôm, cá và do cháy rừng**), các HST trên đất phèn (rừng tràm), HST rừng trên các đảo.

c. Tài nguyên thiên nhiên vùng biển:

- TN khoáng sản: dầu khí là KS có trữ lượng lớn và giá trị nhất(hai bể lớn nhất là Cửu Long, Nam Côn Sơn; hai bể có trữ lượng đáng kể là Sông Hồng và Thổ Chu - Mã Lai), cát có chứa trữ lượng lớn titan (**sa khoáng hay cát trắng ở các đảo của Quảng Ninh, Khánh Hòa là nguyên liệu quý cho CN thủy tinh, pha lê**), muối (nghề làm muối PT nhất ở DHNTB - nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng lại chỉ có một số sông nhỏ đổ ra biển)
- TN hải sản: Cá, tôm, mực, các loài SV phù du, SV đáy, các loài đặc sản: Vích, sò huyết, hải sâm, bào ngư, trai ngọc..., ven các đảo nhất là tại hai quần đảo HS và TS còn có tài nguyên quý giá là các rạn san hô.

d. Thiên tai.

- Bão: Mỗi năm có khoảng 3 - 4 cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta và nơi chịu ảnh hưởng lớn nhất của bão là ven biển MT (Atlas trang 9)
- Sạt lở bờ biển: Xảy ra nhiều nhất ở ven biển Trung Bộ
- Cát bay, cát chảy xảy ra chủ yếu ở các vùng ven biển miền trung.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Dựa vào kiến thức mục a (SGK) và Atlas Địa lí VN, trình bày ảnh hưởng của biển Đông đến khí hậu nước ta.

+ Nhóm 2: Dựa vào kiến thức mục b (SGK) và Atlas Địa lí VN, trình bày ảnh hưởng của biển Đông đến địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển của nước ta.

+ Nhóm 3: Dựa vào kiến thức mục c (SGK) và Atlas Địa lí VN, trình bày ảnh hưởng của biển Đông đến TNTN vùng biển nước ta.

+ Nhóm 4: Dựa vào kiến thức mục d (SGK) và Atlas Địa lí VN, cho biết hàng năm nước ta phải chịu những thiên tai lớn nào? Tại sao?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

+ Khi từng nhóm HS trình bày xong, GV chiếu bảng chuẩn kiến thức để HS theo dõi, đối chiếu.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Hai bể dầu khí có trữ lượng lớn nhất ở thềm lục địa Biển Đông nước ta là

- A. Sông Hồng và Trung Bộ. B. Cửu Long và Sông Hồng.
C. Nam Côn Sơn và Cửu Long. D. Nam Côn Sơn và Thổ Chu - Mã Lai.

Câu 2: Vùng kinh tế nào sau đây của nước ta có duy nhất một tỉnh giáp biển?

- A. Đông Nam Bộ. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3: Những tỉnh, thành phố nào sau đây của nước ta có 2 huyện đảo?

- A. Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang. B. Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.
C. Quảng Ninh, Đà Nẵng, Kiên Giang. D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang.

Câu 4: Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn. B. có nhiều dòng hải lưu.
C. nóng ẩm quanh năm. D. biển tương đối lớn.

Câu 5: Biển Đông là vùng biển tương đối kín là nhờ

- A. nằm giữa hai lục địa A - Âu và Ô - xtrây - li - a
B. bao quanh bởi hệ thống đảo và quần đảo.
C. nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
D. trong năm thủy triều biến động theo mùa.

Câu 6: Vị trí khép kín của biển Đông đã làm cho

- A. biển Đông ít bị thiên tai, khí hậu khá ổn định.
B. nhiệt độ cao và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
C. hải lưu có tính khép kín, chảy theo hướng gió mùa.
D. trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

Câu 7: Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về ngư trường Cà Mau - Kiên Giang?

- A. Ở phía Đông Nam đồng bằng sông Cửu Long.
B. Thuộc vùng đồng bằng Sông Cửu Long.
C. Có tên gọi khác là ngư trường Vịnh Thái Lan.
D. Nguồn hải sản phong phú, nhiều loại có giá trị.

Câu 8: Vùng có điều kiện thuận lợi nhất để sản xuất muối ở nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 9: So với Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ có ưu thế hơn hẳn để phát triển nghề

- A. sản xuất muối. B. nuôi cá.
C. đánh bắt cá biển. D. nuôi tôm.

Câu 10: Việc khai thác các mỏ khí thiên nhiên và thu hồi khí đồng hành ở nước ta đã mở ra bước phát triển mới cho những ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Khí hóa lỏng, sản xuất phân bón, lọc - hóa dầu.
B. Lọc - hóa dầu, khí hóa lỏng, sản xuất điện.
C. Khí hóa lỏng, sản xuất phân bón, sản xuất điện.
D. Sản xuất phân bón, sản xuất điện, lọc - hóa dầu.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để phân tích được ý nghĩa của biển Đông đối với sự phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Biển Đông nước ta thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế nào?

* Trả lời câu hỏi: Nhờ có biển Đông rộng lớn, giàu tài nguyên nên nước ta có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển, bao gồm: Khai thác khoáng sản biển, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, giao thông vận tải và du lịch biển.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

3.4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

3.5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi 2,3 (SGK trang 39)
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Lập sơ đồ hóa kiến thức về đặc điểm Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta.